

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày: 27-11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Tấn Nga.

2/ Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

- Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/10/1995 tại huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp Tân P, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; giới tính: Nam; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1968 (s) và bà Mai Thị A, sinh năm 1967 (s), Anh, chị, em ruột: gồm có 02 người (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất là bị cáo); vợ và con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 04/5/2017 bị cáo bị Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 2.500.000 đồng về xâm hại sức khỏe của người khác; nhân thân: Không có án tích; Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 52/2019/HS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh với mức án 02 năm tù (bị cáo có mặt).

- Trương Hoàng V, sinh năm 1993 tại huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã LT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hoàng C, sinh năm 1951 (s) và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1957 (s), Anh, chị, em ruột: gồm có 09 người (lớn nhất sinh

năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1995); vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1994 (đã ly hôn); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng (bị cáo có mặt).

- **Bị hại:** Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Thanh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Mai Thị A**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân P, xã TT, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà **Bùi Thị Lâm**, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Thanh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người làm chứng:**

1/ Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân L, xã LT, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1948. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân P, xã TT, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 18/3/2018 do muốn có tiền mua ma túy về sử dụng nên bị cáo Đ và bị cáo V bàn bạc về nhà bị cáo Đ ở ấp Tân P, xã TT, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng để trộm xe mô tô loại Honda Blade, biển số 83P2 – 330.69 của ông Trần Văn D ở ấp Tân L, xã Thanh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng đang gửi nhà bị cáo Đ. Khi đến nhà thì bị cáo Đ mở cửa nhà rồi đứng canh ở cửa, còn bị cáo V thì đi vào tháo dây điện ổ khóa xe và dẫn ra ngoài, sau đó cả hai cùng đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đến sáng ngày 19/3/2018 thì các bị cáo đến Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đ đem giấy đăng ký xe cầm được 800.000 đồng và dùng số tiền trên mua ma túy về cùng sử dụng với bị cáo V. Đến khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 19/3/2018 bị cáo Đ bán xe mô tô 83P2 – 330.69 cho cha mẹ của người tên L, là bạn của bị cáo V được 8.000.000 đồng, số tiền này bị cáo Đ sử dụng chuộc giấy xe 800.000 đồng để đưa cho người mua, cho bạn tên Ng 500.000 đồng, cho L 300.000 đồng, bị cáo Đ đưa bị cáo V mua điện thoại 1.750.000 đồng, bị cáo Đ tự mua điện thoại khoảng 2.000.000 đồng, số tiền còn lại thì bị cáo Đ dùng để mua ma túy về sử dụng với bị cáo V cho đến hết. Khi hết tiền bị cáo Đ và bị cáo V lần lượt cầm và bán điện thoại để lấy tiền mua ma túy về tiếp tục sử dụng cho đến khi hết ma túy thì bị cáo V về nhà ở ấp Tân L, xã LT, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng còn Đ thì đi Bình Dương làm thuê. Đến ngày 21/3/2018 thì bị cáo Đ có nói cho mẹ ruột là bà Mai Thị A chuộc xe mô tô 83P2 – 330.69 về để trả cho ông D. Đến ngày 05/4/2018 thì bà A liên hệ với ông D để cùng chuộc xe, thì ông D gửi tiền cho bà A 4.500.000 đồng và bà A ra 4.500.000 đồng để chuộc xe 83P2 – 330.69 trả cho ông D, sau khi chuộc xe xong thì bà A đã giao nộp cho Cơ quan Công an huyện Thanh Trì xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận định giá số 08/KL.ĐG.18 ngày 30/5/2018 của Hội đồng định giá huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 xe mô tô biển số 83P2 – 330.69 sử dụng đến ngày 19/3/2018 có giá trị là 17.300.000 đồng x 68% = 11.764.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Trương Hoàng V đã đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không làm rõ được các tình tiết liên quan đến vụ án vì vậy chưa đủ căn cứ khởi tố bị cáo đối với Trương Hoàng V và Nguyễn Minh Đ, ngày 22/11/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án. Đến ngày 23/7/2019 bị cáo Trương Hoàng V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời Cơ quan điều tra làm rõ hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 19/3/2018 tại ấp Tân P, xã TT, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng .thì Trương Hoàng V thừa nhận cùng Nguyễn Minh Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông D phù hợp với những chứng cứ khác nên ngày 02/10/2019 Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì đã ra Quyết định phục hồi vụ án để tiếp tục điều tra xử lý các bị cáo.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKSTT ngày 27/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng .đã truy tố các bị cáo Trương Hoàng V và Nguyễn Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng truy tố các bị cáo Trương Hoàng V và Nguyễn Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại, trước khi phạm tội bị cáo V không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đ không có tiền án, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, có ông Ngoại là Mai Văn C được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và bà Ngoại là Phạm Thị B được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng và xử phạt các bị cáo:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST, ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xử bị cáo Đ02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Hoàng V, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Các bị cáo thống nhất và thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bị hại: Về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 5.695.000 đồng, về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ, còn bị cáo V đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị A. Xét thấy, trong quá trình điều tra bà A đã có lời khai đầy đủ và việc vắng mặt của bà A không ảnh hưởng đến xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bà A.

[3] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trương Hoàng V và Nguyễn Minh Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng 20 giờ ngày 18/3/2018 các bị cáo có hành vi trộm xe mô tô loại Honda Blade, biển số 83P2 – 330.69 của ông Trần Văn D ở ấp Tân L, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đem lên Thành phố Hồ Chí Minh bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Lời thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa là hợp với các lời khai của các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ. Nên có căn cứ xác định hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Trương Hoàng V đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 15/CT-VKSTT ngày 27/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn xâm hại đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương và gây cho mọi người không an tâm lao động và sản xuất. Do đó, đối với hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có đủ thời gian răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời, cũng là phòng

ngừa tội phạm chung cho xã hội, nhất là trong thời điểm hiện nay loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có tổ chức và cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo cần xem xét hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ, bị cáo là người rủ rê bị cáo V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo biết rõ bị hại ông D có gởi xe nhà bị cáo và tại thời điểm đó không có ai ở nhà. Bị cáo cũng chính là người lấy chìa khóa nhà mở cửa để bị cáo V vào thực hiện hành vi lấy cắp. Khi lấy được tài sản bị cáo là người bán và sử dụng số tiền này để mua ma túy cùng với V sử dụng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại, trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án. Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo có ông Ngoại là Mai Văn C được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và bà Ngoại là Phạm Thị B được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đồng thời, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo cũng đồng ý tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Kiểm sát viên đề nghị xem xét và áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với bị cáo Trương Hoàng V: Sau khi nghe bị cáo Đ rủ rê lấy trộm tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì bị cáo đồng ý và cũng là người thực hiện tích cực nhất. Bị cáo Đ mở cửa nhà còn bị cáo là người khởi động xe và dẫn xe ra ngoài, khi đến Thành phố Hồ Chí Minh cũng chính bị cáo là người giới thiệu cho bị cáo Đ bán xe. Số tiền bán xe được thì bị cáo cùng với bị cáo Đ sử dụng vào việc mua ma túy sử dụng nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm về hình vi của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại, trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Kiểm sát viên đề nghị xem xét và áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về phần trách nhiệm dân sự: người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền số tiền chuộc xe và tiền sửa xe tổng cộng là 5.695.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về phần xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại xong nên không đặt ra xem xét.

[10] Đối với các đối tượng tên Ng và tên L được bị can Đ cho tiền nhưng không biết số tiền đó do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Đối với cha mẹ của người tên L có hành vi mua xe mô tô 83P2 – 330.69 chưa xác định được nhân thân và địa chỉ cụ thể nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Trì tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật

[11] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Trương Hoàng V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, Điều 58 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST, ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xử bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ chấp hành chung cho 02 bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/8/2018.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Hoàng V.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng V 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Trương Hoàng V phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Trần Văn D số tiền 5.695.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Minh Đ bồi thường số tiền là 2.847.500 đồng, bị cáo Trương Hoàng V bồi thường số tiền là 2.847.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Minh Đ và Trương Hoàng V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Trương Hoàng V liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Đ chịu 150.000 đồng và bị cáo V chịu 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CQĐT Công an huyện Thạnh Trị
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Toàn